TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 485/2019/QĐST-HNGĐ	*Tân Phú, ngày 01 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ Điều 396, 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 533/2019/HNST ngày 10 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu việc giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thị Tuyết H – sinh năm 1956

Và ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1954

Cùng địa chỉ: 429 P, phường P, quận T, Tp.HCM

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết H cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét, việc thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết H được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, công nhận ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết H thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết H cùng xác nhận có các người con chung gồm Nguyễn Thị Minh T sinh năm 1976, Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1980, Nguyễn Thị Hồng M sinh năm 1982, Nguyễn Thị Anh Đ sinh năm 1984. Tất cả các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết H không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3]Về tài sản chung : ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết H xác nhận không có.

[4] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết H phải nộp, được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí do ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết H đã nộp theo biên lai số AA/2018/0012175 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết H cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 95/2006, quyển số 01 ngày 23/6/2006 của Ủy ban nhân dân phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho các đương sự không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định này của Tòa án có hiệu lực.

Về con chung: Do các con chung là Nguyễn Thị Minh T sinh năm 1976, Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1980, Nguyễn Thị Hồng M sinh năm 1982, Nguyễn Thị Anh Đ sinh năm 1984 đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

2. Về lệ phí: hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết H chịu, được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí do ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết H đã nộp theo biên lai số AA/2018/0012175 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết H đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Hiển